

Bản án số: 12/2018/DSPT
Ngày 09 - 02 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2017/DS-PT ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự phúc thẩm số 33/2017/DS-PT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xử hủy án về phần án phí. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị H, sinh năm 1938. Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị H: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1965. Địa chỉ: Đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn L: Bà Dương Thị L. Địa chỉ: Thôn P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thế H – Cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Nông Văn G, sinh năm 1950. Địa chỉ: Đường C, phường C, thành phố L; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Nông Văn G: Bà Triệu Thị P. Địa chỉ: Đường C, phường C, thành phố L; vắng mặt.

3. Bà Hứa Thị C, sinh năm 1959. Địa chỉ: Đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Chu Khắc U, sinh năm 1932. Địa chỉ: Phố C, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

5. Bà Dương Thị L, sinh năm 1965; vắng mặt.

6. Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1940; vắng mặt.

7. Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1973; vắng mặt.

8. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1979; vắng mặt.

9. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1958; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

10. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khu N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Lý Thị Đ, bà Hoàng Thị L, ông Hoàng Văn V, ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị M: Bà Dương Thị L. Địa chỉ: Thôn P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1965. Địa chỉ: Đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Hải X, sinh năm 1967; vắng mặt.

13. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972; vắng mặt.

14. Bà Hà Thị T, sinh năm 1977; vắng mặt.

15. Ông Hà Văn V, sinh năm 1959; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Hải X, ông Nguyễn Văn N, bà Hà Thị T, ông Hà Văn V: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1965. Địa chỉ: Đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Diện tích đất tranh chấp theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là 571m², loại đất ONT + BHK gồm:

- 484m² thuộc một phần thửa đất số 2 tờ bản đồ số 23;
- 50m² thuộc một phần thửa đất số 3 tờ bản đồ số 23;
- 37m² thuộc một phần thửa đất số 27, tờ bản đồ số 23.

Bản đồ địa chính phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút phần đòi 50m² thuộc một phần thửa đất số 3 nói trên. Diện tích đất tranh chấp còn lại là 521m² thuộc thửa đất số 2 và số 27, tờ bản đồ số 3 phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Nguyên đơn Hà Thị H và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Y cho rằng: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông Hoàng Văn N chuyển

nhượng sang cho ông Chu Khắc U năm 1977; Ông U lại chuyển nhượng sang cho chồng bà H là ông Nguyễn Văn T vào năm 1983 với số tiền 1.800,đ. Năm 1989, ông T đã đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích nhận chuyển nhượng. Năm 1990, ông T cho anh Hoàng Văn L (con ông N) làm nhà ở nhờ trên phần đất đã nhận chuyển nhượng. Năm 1995, bà H yêu cầu anh L trả lại đất nhưng anh L không trả. Bà Nguyễn Thị H cho rằng việc ông Nông Văn G khai mua chung nhau với ông U khu đất đó với ông N sau đó ông G và ông U chia nhau mỗi người một nửa là không có căn cứ chứng minh.

Tại giấy biên nhận tiền mang tên người nhận tiền là ông Chu Khắc U ghi ngày 29/9/1983 thể hiện ông U nhượng lại đất cho ông Nguyễn Văn T với số tiền là 1.800,đ. Khi làm xong thủ tục, giấy tờ sẽ viết lại văn tự khác. Vì vậy, diện tích đất tranh chấp là của ông T; nguyên đơn yêu cầu được quyền sử dụng 521m² đất tranh chấp.

Những người liên quan phía nguyên đơn yêu cầu như nguyên đơn.

Phía bị đơn Hoàng Văn L ủy quyền cho bà Dương Thị L (vợ ông L) tham gia tố tụng cho rằng: Khu đất tranh chấp là của cha ông để lại cho ông Hoàng Văn N. Năm 1977, ông N cho ông U đất nhưng không đo đạc cụ thể, sau đó ông U cho lại ông N số tiền 1.200,đ, hai bên không làm giấy tờ. Ông U sau đó có cho ông G 1/2 diện tích đất mà ông N cho ông U, ông G đưa cho ông U 600,đ; phần đất của ông U thì ông U cho gia đình anh L sử dụng. Năm 1979 gia đình ông G đi sơ tán nên cho gia đình anh L sử dụng nốt phần đất của ông G. Năm 1985, ông T mượn đất của ông N để làm 01 căn nhà nhỏ cho anh V ở (anh V là con riêng của bà H - vợ ông T). Năm 2006 chị Y (con ông T) xây nhà trên đất mà anh L đang quản lý nên xảy ra tranh chấp. Các giấy tờ nguyên đơn đưa ra là giả mạo, gồm: Giấy biên nhận tiền lập ngày 29/9/1983; Giấy biên nhận nhượng nhà ở kèm đất lập ngày 27/11/1983; Giấy nhượng đất lập ngày 23/5/1978, vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được sử dụng diện tích đất tranh chấp.

- Những người liên quan phía bị đơn đều không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu để ông L được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp. Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm lần 1 tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2010/DSST ngày 29/10/2010.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 37/2011/DSPT ngày 15/9/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2014/DSST ngày 25/3/2014 Tòa án nhân dân thành phố L đã quyết định:

Áp dụng các Điều 688, 697, 608, 305 Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng điểm b, d khoản 1 Điều 50; Điều 136 Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33; Điều 35; Khoản 1 Điều 131, 243, 245 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị H.

Xử tạm giao cho bà Hà Thị H được quyền quản lý sử dụng 521m² đất, loại ONT + BHK bao gồm:

- 484m² đất thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 23 phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;
- 37m² đất thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 23 phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Địa chỉ đất tranh chấp ở Thôn P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có vị trí, kích thước và tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất bà Hứa Thị C và ông Hoàng Văn L có kích thước 14,21m + 4,62m + 9,32m + 1,4m;
- Phía Đông giáp đường bê tông có kích thước: 5,24m + 1,4m + 2,71m + 1,93m + 3,12m + 1,33m + 3,98m + 1,81m + 2,37m;
- Phía Nam giáp đường bê tông có kích thước: 1,9m + 3,9m + 5,25m + 2,73m + 2,46m;
- Phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn Đ có kích thước: 4,64m + 4,14m + 1,61m + 1,79m + 6,56m + 2,77m + 6,37m + 3,37m + 2,2m + 3,65m; (Có sơ họa kèm theo).
- Bà Hà Thị H phải thanh toán trị giá còn lại của nhà và các công trình phụ, cây ăn quả cho ông Hoàng Văn L và bà Dương Thị L với tổng số tiền 11.533.000,đ (mười một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).
- Bác yêu cầu của ông Hoàng Văn L đòi quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên.

- Bác yêu cầu của ông Nông Văn G đòi quản lý sử dụng 285,5m² đất tại các thửa số 02, 27, 03 tờ bản đồ số 23 phường Đ, tại Thôn P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Hà Thị H về việc không yêu cầu giải quyết diện tích 50m² đất mà ông Hoàng Văn N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nay ông H đã bán cho bà C).

2. Về án phí: Bà Hà Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch: 576.650,đ (năm trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Ngày 22/6/2009 bà H đã nộp tạm ứng án phí 2.700.000,đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số No007429 tại Thi hành án dân sự thành phố L. Sau khi khấu trừ, hoàn trả lại cho bà H số tiền là 2.123.350,đ (hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Bị đơn ông Hoàng Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 23.630.000,đ (hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định có kháng cáo, kháng nghị như sau:

- Ngày 08/4/2014 bà Dương Thị L (người được bị đơn Hoàng Văn L ủy quyền) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm;
- Ngày 10/4/2014, bà Triệu Thị P (là người được ông Nông Văn G ủy quyền) kháng các yêu cầu được quyền sử dụng 285,5m² đất trong diện tích đất tranh chấp;

- Ngày 24/4/2014, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 02/2014/DSST ngày 25/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 33/2014/DSPT ngày 07/8/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.
- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Văn G.

- Hủy một phần bản án sơ thẩm.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị H (Ngã) được quyền sử dụng 521m² đất, loại đất ONT + BHK bao gồm: 484m² đất thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 23; 37m² đất thuộc một phần thửa đất số 27, tờ bản đồ số 23.

- Bà Hà Thị H được quyền sở hữu nhà, công trình phụ, cây ăn quả của gia đình ông L, bà L và phải thanh toán trị giá còn lại của nhà, công trình phụ, cây ăn quả cho gia đình ông L, tổng số tiền là 11.533.000,đ (mười một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Bác yêu cầu của anh Hoàng Văn L đòi quyền sử dụng diện tích đất nói trên.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà H đòi quyền sử dụng 50m² đất thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 23.

- Hủy một phần bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu của ông Nông Văn G đòi quyền sử dụng 285,5m² đất tại thửa số 2, số 3, số 27 thuộc tờ bản đồ số 23.

Ngày 06/10/2014 và ngày 29/02/2015 người đại diện của bị đơn là chị Dương Thị L có đơn đề nghị giám đốc thẩm bản án dân sự phúc thẩm.

Tại Quyết định số 13/KN-GĐT ngày 24/3/2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 33/2014/DSPT ngày 07/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm lại theo quy định.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 62/2017/DS-GĐT ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

1. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 33/2014/DS-PT ngày 07/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn về phần án phí trong vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là bà Hà Thị H với bị đơn là anh Hoàng Văn L và 15 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Hà Thị H vắng mặt, đã có đơn xin xin được vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Hoàng Văn L vắng mặt không có lý do, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng từ khi thụ lý và tại phiên tòa; các đương sự thực hiện đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Theo Quyết định giám đốc thẩm số 62/2017/GĐT ngày 24/7/2017 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nguyên đơn khởi kiện đòi lại đất do ông L làm nhà ở, được xác định đây là loại tranh chấp quyền sở hữu tài sản (đòi lại đất cho ở nhờ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đối với tranh chấp đòi lại tài, các đương sự chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với vụ án dân sự không có giá ngạch là 200.000,đ. Tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông Hoàng Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 23.630.000,đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng chẵn) là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa phần án phí dân sự sơ thẩm của bản án số 02/2014/DSST ngày 25/3/2014 Tòa án nhân dân thành phố L; buộc bị đơn ông Hoàng Văn L phải chịu 200.000,đ án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Diện tích đất tranh chấp được xác định là của ông Hoàng Văn N. Các bên đương sự thừa nhận từ năm 1977 có sự thay đổi chủ sử dụng đất từ ông N cho người khác. Phía nguyên đơn cho rằng ông N đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích trên cho ông Chu Khắc U; còn phía bị đơn cho rằng ông N đã chuyển nhượng cho ông Chu Khắc U và ông Nông Văn G mỗi ông một nửa.

[3] Bà Hà Thị H cung cấp các căn cứ: Giấy chuyển nhượng đất ngày 23/5/1978 có nội dung ông Hoàng Văn N đã chuyển nhượng cho ông Chu Khắc U 510m² đất (đo thực tế là 752,7m²); Giấy biên nhận đề ngày 29/9/1983 có nội dung ông U nhận của ông T số tiền 1.800,đ; Giấy biên nhận nhượng nhà ở kèm đất ngày 27/11/1983 có nội dung ông U nhượng cho ông T căn nhà 26m² trên diện tích đất 510m² đã mua với ông N. Từ đó bà cho rằng diện tích đất tranh chấp nêu trên là của chồng bà là ông Nguyễn Văn T đã mua của ông Chu Khắc U; bà yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp.

[4] Phía bị đơn cho rằng ông N đã bán diện tích đất trên cho ông G nhưng không có giấy tờ gì chứng minh. Quá trình sử dụng đất, anh Hoàng Văn L cũng không kê khai, đăng ký đối với diện tích đất này; anh L cũng không xuất trình được tài liệu nào chứng minh quyền quản lý, sử dụng của bản thân đối với diện tích đất tranh chấp.

[5] Cơ quan giám định thuộc Công an tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành giám định và có kết luận giám định số 74/GĐ-PC54 ngày 02/8/2013, kết luận chữ viết trong Giấy biên nhận đề ngày 29/9/1983 do nguyên đơn xuất trình với chữ viết do ông U viết trong quá trình giải quyết vụ án là của một người viết ra. Do đó, có cơ sở để kết luận ông U đã nhận 1.800,đ tiền chuyển nhượng đất của ông T. Tại sổ đăng ký sử dụng đất năm 1989 và sổ mục kê thể hiện ông Nguyễn Văn T là người quản lý, sử dụng 1.235m² đất tại thửa số 93 (nay là các thửa số 02, 03, 27). Như vậy, có cơ sở xác định ông T đã nhận chuyển nhượng diện tích đất trên từ ông U và kê khai, sử dụng từ năm 1989.

[6] Từ nhận định trên có căn cứ khẳng định Tại bản án dân sự phúc thẩm số 33/2014/DSPT ngày 07/8/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Văn G; Hủy một phần bản án sơ thẩm; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị H được quyền sử dụng 521m² đất, loại đất ONT + BHK bao gồm: 484m² đất thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 23; 37m² đất thuộc một phần thửa đất số 27, tờ bản đồ số 23; Bà Hà Thị H được quyền sở hữu nhà, công trình phụ, cây ăn quả của gia đình ông L, bà L và phải thanh toán trị giá còn lại của nhà, công trình phụ, cây ăn quả cho gia đình ông L, tổng số tiền là 11.533.000,đ (mười một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng); Bác yêu cầu của anh Hoàng Văn L đòi quyền sử dụng diện tích đất nói trên; Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà H đòi quyền sử dụng 50m² đất thuộc một phần thửa đất số 03, ở bản đồ số 23 là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án nhân dân thành phố L; áp dụng Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn ông Hoàng Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 23.630.000,đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng chẵn) là không đúng quy định của pháp luật. Vì diện tích đất đang tranh chấp do nguyên đơn khởi kiện đòi lại đất do anh L làm nhà ở, được xác định đây là loại tranh chấp quyền sở hữu tài sản (đòi lại đất cho ở nhờ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đối với tranh chấp đòi lại tài sản các đương sự chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với vụ án dân sự không có giá ngạch là 200.000,đ. Do bị đơn ông Hoàng Văn L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L chưa được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm của bản án số 02/2014/DSST ngày 25/3/2014 Tòa án nhân dân thành phố L; buộc bị đơn ông Hoàng Văn L phải chịu 200.000,đ án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên ông Hoàng Văn L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí 200.000,đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/02515 ngày 08/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự phúc thẩm số 33/2014/DSST ngày 07/8/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn về phần án phí dân sự sơ thẩm; cụ thể:

1. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Văn L phải chịu 200.000,đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn L không phải chi tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền 200.000,đ ông L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2011/02515 ngày 08/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

2. Các nội dung khác của bản án dân sự phúc thẩm số 33/2014/DS-PT ngày 07/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 07/8/2014).

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP L, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; TDS; HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm